BỘ CÔNG THƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
_____	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2957 /QĐ-BCT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với khu vực mỏ đá vôi Núi Han, thành phố Hải Phòng

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 147/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 256/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 351/2026/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị quyết số 66.25/2026/NQ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ về xử lý khó khăn, vướng mắc liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước về khu công nghiệp, địa chất, khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 28-KL/ĐU ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Đảng ủy Chính phủ về chủ trương điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với khu vực mỏ đá vôi Núi Han, thành phố Hải Phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch 1626) đối với khu vực mỏ đá vôi Núi Han, thành phố Hải Phòng (số thứ tự 3, mục I, Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ) như sau:

1. Điều chỉnh đưa ra khỏi Quy hoạch 1626 khu vực có diện tích 23,88 ha phía Đông Nam mỏ đá vôi Núi Han, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng (trước đây thuộc phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương), giới hạn từ bề mặt địa hình đến mức cao +5 m. Ranh giới, tọa độ các điểm góc khu vực chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Điều chỉnh diện tích, tài nguyên, trữ lượng khu vực Đá vôi Núi Han tại số thứ tự 3, mục I, Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ. Nội dung điều chỉnh chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

3. Các nội dung khác không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Quyết định này giữ nguyên theo Quyết định số 1626/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Việc đưa khu vực quy định tại khoản 1 Điều này ra khỏi Quy hoạch 1626 không thay thế các thủ tục xác định loại, nhóm khoáng sản; thăm dò, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản; khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cấp giấy phép khai thác khoáng sản và các thủ tục về đất đai, đầu tư, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch kèm theo Quyết định phê duyệt; tham mưu tổ chức công bố, công khai điều chỉnh Quy hoạch theo quy định tại khoản 4 Điều 51 và các Điều 41, 42 và 43 Luật Quy hoạch; cập nhật nội dung điều chỉnh vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch; tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ về kết quả điều chỉnh Quy hoạch theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 54 Luật Quy hoạch và điểm đ khoản 3 Điều 59 Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng có trách nhiệm:

a) Quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; cấp phép hoạt động khoáng sản tại các khu vực quy hoạch khoáng sản theo thẩm quyền và theo đúng quy định của pháp luật về địa chất và khoáng sản, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, thu hồi tối đa, sử dụng hợp lý các loại khoáng sản phân bố xen kẹp có trong khu vực quy hoạch.

b) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch; bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động quân sự, quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp thuộc phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Tổng công ty Xi măng Việt Nam, Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Xi măng Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Quốc phòng, Công an, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Các Sở: CT, NNMT thành phố Hải Phòng;
- Tổng công ty Xi măng Việt Nam;
- Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, ĐCKS.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Ký bởi: VĂN PHÒNG
Email: vpbct@moit.gov.vn
Cơ quan: BỘ CÔNG THƯƠNG
Ngày ký: 06-11-2026 15:38:55 +07:00

Nguyễn Việt Sơn

PHỤ LỤC I

Tọa độ, diện tích khu vực đưa ra khỏi Quy hoạch 1626 mỏ đá vôi Núi Han, phường Nhị Chiểu, thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số 2957 /QĐ-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Tên điểm	X (m)	Y (m)	Diện tích (ha)	Mức cao địa hình
		Hệ tọa độ VN-2000, KTT 105°00', múi chiếu 6°			
1	B2.1	2.325.497	664.400	23,88	giới hạn từ bề mặt địa hình hiện tại đến mức cao +5 m
2	B2.2	2.325.684	664.462		
3	B2.3	2.325.725	664.512		
4	B2.4	2.325.750	664.606		
5	B2.5	2.325.754	664.708		
6	B2.6	2.325.743	664.823		
7	B2.7	2.325.938	665.046		
8	11	2.325.869	665.178		
9	B5	2.325.813	665.247		
10	B4	2.325.904	665.533		
11	B3	2.325.835	665.629		
12	5	2.325.740	665.637		

PHỤ LỤC II

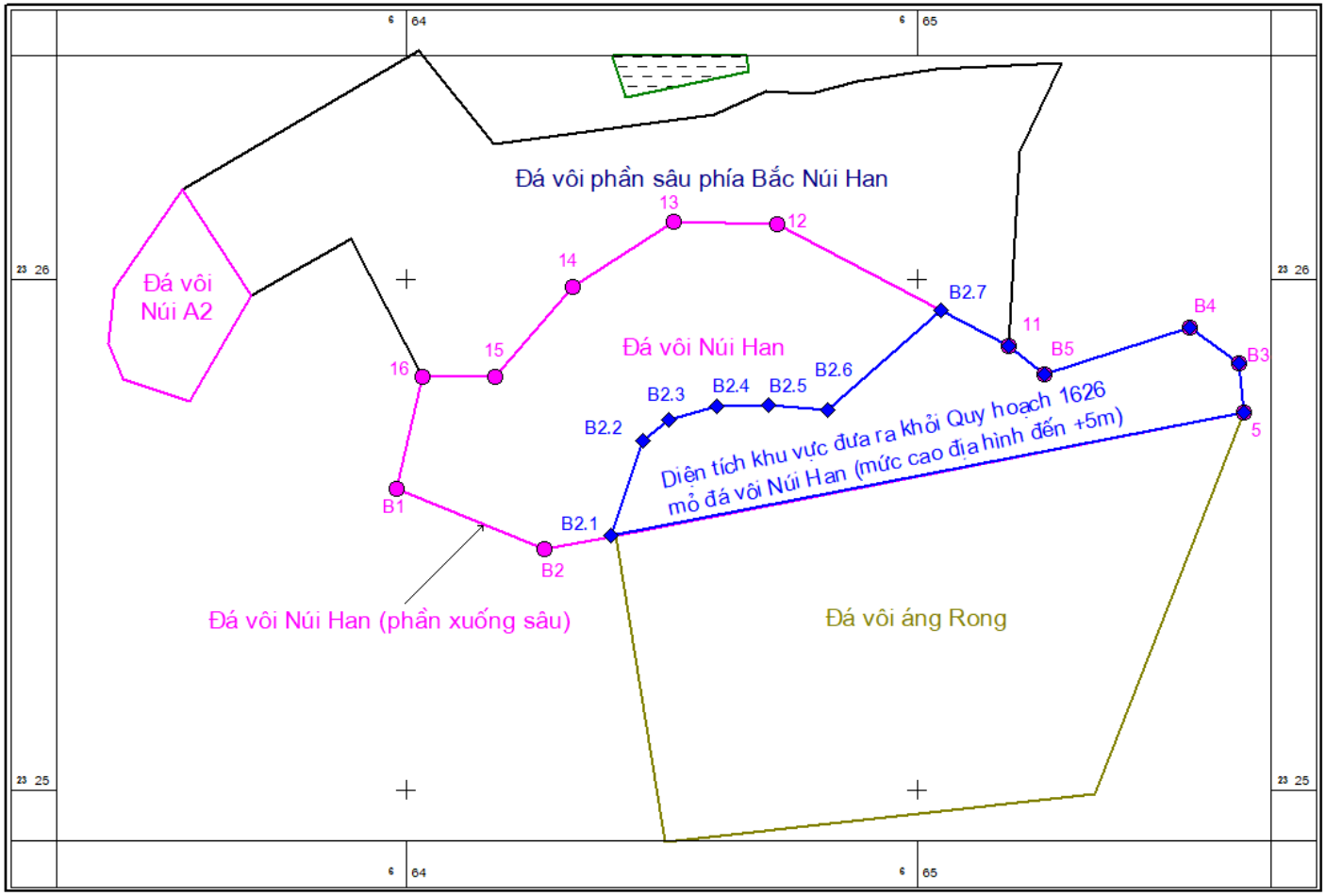
Diện tích, tài nguyên, trữ lượng khu vực Đá vôi Núi Han Khu vực đá vôi Núi Han sau điều chỉnh

(Kèm theo Quyết định số 2957 /QĐ-BCT ngày 06 tháng 11 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Loại khoáng sản/khu vực khoáng sản	Địa điểm	Hệ tọa độ VN 2000, KTT $105^0$00' múi chiếu 6			Diện tích	Trữ lượng + Tài nguyên	Cấp trữ lượng + Tài nguyên	Khu vực khoáng sản quy hoạch thăm dò		Công suất khai thác (1000 tấn/năm)	Khu vực khoáng sản quy hoạch khai thác		Ghi chú
			Điểm	X (m)	Y (m)	(ha)	(1000 tấn)		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050	
I	**Đá vôi làm xi măng**													
3	Đá vôi Núi Han (phần xuống sâu)	Phường Nhị Chiểu, TP Hải Phòng	B1	2.325.590	663.981	57,8	37.380	333	X		2.000	X	X	QH thăm dò - khai thác xuống sâu và có thu hồi đá vôi bị dolomit hóa
			B2	2.325.471	664.270									
			5	2.325.740	665.637									
			B3	2.325.835	665.629									
			B4	2.325.904	665.533									
			B5	2.325.813	665.247									
			11	2.325.869	665.178									
			12	2.326.107	664.726									
			13	2.326.112	664.522									
			14	2.325.984	664.324									
			15	2.325.809	664.174									
			16	2.325.810	664.031									
			B1	2.325.590	663.981	33,9	22.828							

TT	Loại khoáng sản/khu vực khoáng sản	Địa điểm	Hệ tọa độ VN 2000, KTT $105^0$00' múi chiếu 6			Diện tích	Trữ lượng + Tài nguyên	Cấp trữ lượng + Tài nguyên	Khu vực khoáng sản quy hoạch thăm dò		Công suất khai thác (1000 tấn/năm)	Khu vực khoáng sản quy hoạch khai thác		Ghi chú
			Điểm	X (m)	Y (m)	(ha)	(1000 tấn)		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050	
	Đá vôi Núi Han		B2	2.325.471	664.270			121+ 122+ 222						Đã cấp GPKT số 188/TTg ngày 17/5/1979. Phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp khối tài nguyên tại Quyết định số 979/QĐ-HĐTLQG ngày 18/5/2015 và có thu hồi đá vôi bị dolomit hóa; (trữ lượng 22.828 nghìn tấn là trữ lượng đá vôi làm nguyên liệu xi măng; diện tích 33,9 ha là diện tích còn lại sau khi đưa khu vực 23,88 ha ra khỏi Quy hoạch 1626)
			B2.1	2.325.497	664.400									
			B2.2	2.325.684	664.462									
			B2.3	2.325.725	664.512									
			B2.4	2.325.750	664.606									
			B2.5	2.325.754	664.708									
			B2.6	2.325.743	664.823									
			B2.7	2.325.938	665.046									
			11	2.325.869	665.178									
			12	2.326.107	664.726									
			13	2.326.112	664.522									
			14	2.325.984	664.324									
			15	2.325.809	664.174									
			16	2.325.810	664.031									
	Đá vôi Núi A		A1	2.325.760	663.576	6,86								
			A2	2.325.805	663.446									
			A3	2.325.873	663.416									
			A4	2.325.983	663.429									

TT	Loại khoáng sản/khu vực khoáng sản	Địa điểm	Hệ tọa độ VN 2000, KTT $105^0$00' múi chiếu 6			Diện tích	Trữ lượng + Tài nguyên	Cấp trữ lượng + Tài nguyên	Khu vực khoáng sản quy hoạch thăm dò		Công suất khai thác (1000 tấn/năm)	Khu vực khoáng sản quy hoạch khai thác		Ghi chú
			Điểm	X (m)	Y (m)	(ha)	(1000 tấn)		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050		Thời kỳ 2021 - 2030	Tầm nhìn đến năm 2050	
			1	2.326.175	663.561									
			18	2.325.967	663.696									



Hình 1. Sơ đồ diện tích điều chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với khu vực mỏ đá vôi Núi Han, thành phố Hải Phòng